TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH TÂN** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 17 - 5 - 2018
V/v tranh chấp "xin ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH TÂN - TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Kim Ngân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Ngọc Hải.

2. Bà Nguyễn Thị Thanh Loan.

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Kim Thùy - là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long*: không tham gia phiên tòa.*

Ngày 17 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 17/2018/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 02 năm 2018; về tranh chấp: "*xin ly hôn, nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2018/QĐXX-ST ngày 09 tháng 4 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Lê Thị C**, sinh năm 1979. Địa chỉ: ấp A, xã T, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

2. *Bị đơn:* Anh **Phan Văn D**, sinh năm 1973. HKTT: ấp T, xã A, huyện B, tỉnh Vĩnh Long. Tạm trú: ấp A, xã T, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

3. Con trên 07 tuổi:

3.1 **Phan Thị Mỹ D1**, sinh ngày 16/11/2000 (có mặt).

3.2 **Phan Thanh D2**, sinh ngày 19/9/2009 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: ấp A, xã T, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 02/02/2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Lê Thị C trình bày: Chị và anh Phan Văn D sau thời gian quen biết nên đã chung sống với nhau như vợ chồng vào khoảng năm 1999, không tổ chức lễ cưới,

không có tặng cho nữ trang, đăng ký kết hôn ngày 30/11/2009 tại thị trấn Cù Lao Dung, huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng. Thời gian đầu vợ chồng sống chung với cha mẹ ruột chị ở ấp A, xã T, huyện C, tỉnh Sóc Trăng khoảng 03 năm. Sau đó vợ chồng mua đất cất nhà ở riêng tại ấp A, xã T, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. Anh chị có 02 con chung tên Phan Thị Mỹ D1, sinh ngày 16/11/2000 và Phan Thanh D2, sinh ngày 19/9/2009. Trong thời gian chung sống vợ chồng chị tạo lập được tài sản chung gồm có: vào năm 2000 vợ chồng có mua được khoảng 3.000m^2 đất trồng màu, tọa lạc ấp A, xã T, huyện C, tỉnh Sóc Trăng với giá 46 chỉ vàng 24K, hiện nay chưa được cấp giấy chứng nhận QSD đất; trên đất vợ chồng có xây cất 01 căn nhà cấp 4 ngang 5m dài 20m, vách xây tường, mái lợp tol, nền lát gạch men, xây dựng năm 2006, hiện nhà và đất do anh chị cùng canh tác, sử dụng. Ngoài ra vợ chồng còn có 02 xe Honda: 01 xe Wave RSX biển số 83L1-3185 (mua vào năm 2009 giá 19.990.000 đồng) (hiện do anh D sử dụng) và 01 xe Blade biển số 83D1-122.38 (mua vào năm 2017 giá 22.000.000 đồng) (hiện do chị sử dụng); cả hai xe đều do chị đứng tên giấy chứng nhận đăng ký.

Mâu thuẫn phát sinh dẫn đến ly hôn là khoảng 03 năm nay anh D không lo làm ăn, chỉ cờ bạc, đá gà, không có trách nhiệm với vợ con. Ngoài ra anh D còn có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác. Thậm chí có đôi lần anh D về đến nhà kiếm chuyện la mắng, chửi bới chị một cách vô cớ và còn đánh đập chị, đe dọa giết chị, từ đó vợ chồng sống không hạnh phúc; hiện chị không còn tình cảm với anh D.

Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau đây: Về quan hệ hôn nhân: chị yêu cầu được ly hôn anh Phan Văn D. Về con chung: Phan Thị Mỹ D1, sinh ngày 16/11/2000 và Phan Thanh D2, sinh ngày 19/9/2009 chị yêu cầu được trực tiếp nuôi hai con, chị không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con. Về quan hệ tài sản: tự thỏa thuận, không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra, chị không còn yêu cầu nào khác.

- Tại biên bản hòa giải ngày 13/3/2018 bị đơn anh Phan Văn D trình bày: Anh thống nhất với lời trình bày của chị C về thời gian và quá trình sống chung, vợ chồng anh có đăng ký kết hôn. Anh và chị C có 02 con chung Phan Thị Mỹ D1, sinh ngày 16/11/2000 và Phan Thanh D2, sinh ngày 19/9/2009. Trong thời gian chung sống vợ chồng anh tạo lập được tài sản chung gồm: năm 2000 vợ chồng có mua được khoảng 3.000m^2 đất trồng màu, tọa lạc ấp A, xã T, huyện C, tỉnh Sóc Trăng với giá 46 chỉ vàng 24K, hiện nay chưa được cấp giấy chứng nhận QSD đất; trên đất vợ chồng có xây cất 01 căn nhà cấp 4 ngang 5m dài 20m, vách xây tường, mái lợp tol, nền lát gạch men, xây dựng năm 2006, hiện nhà và đất do anh chị cùng canh tác, sử dụng. Ngoài ra vợ chồng còn có 02 xe Honda: 01 xe Wave RSX biển số 83L1-3185 (mua vào năm 2009 giá 19.990.000 đồng) (hiện do anh D sử dụng) và 01 xe Blade biển số 83D1-122.38 (mua vào năm 2017 giá 22.000.000 đồng) (hiện do chị C sử dụng); cả hai xe đều do chị C đứng tên giấy chứng nhận đăng ký.

Anh xác định anh có lo cho vợ con, hàng tháng anh đi làm có đem tiền về lo cho vợ con. Anh không có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác. Vào khoảng

tháng 10/2017 do anh bị bệnh, không đi làm được nên không đem tiền về lo cho vợ con nên dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn, cự cãi nhau, chị C ghen tuông anh, sau đó chị C dùng cây đánh vào đầu, ngực, tay làm anh chấn thương ở đầu, ngực và mẻ xương tay. Anh xác định ngày 29/12/2017 âl vợ chồng anh có lời qua tiếng lại, anh có táng chị C 01 bạt tay, chị C đánh lại anh, hai người đánh qua lại với nhau anh bị trật tay, chị C bị sưng mắt và mặt. Hiện anh vẫn còn tình cảm với chị C. Chị C xin ly hôn, anh không đồng ý ly hôn.

Trường hợp Tòa án giải quyết cho chị C ly hôn. Về con chung: Phan Thị Mỹ D1, sinh ngày 16/11/2000 và Phan Thanh D2, sinh ngày 19/9/2009. Tùy theo ý kiến của con, muốn sống với ai thì người đó nuôi. Nếu sống với anh thì anh nuôi, anh không yêu cầu chị C cấp dưỡng nuôi con; nếu con sống với chị C, anh không cấp dưỡng nuôi con. Về quan hệ tài sản: tự thỏa thuận, không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra, anh không còn yêu cầu nào khác.

- *Tại biên bản lấy lời khai ngày 13/3/2018 cháu Phan Thị Mỹ D1* trình bày: mẹ cháu tên Lê Thị C, cha cháu tên Phan Văn D; cha mẹ cháu ly hôn, nguyện vọng cháu sống với mẹ.

- *Tại biên bản lấy lời khai ngày 13/3/2018 cháu Phan Thanh D2 trình bày:* mẹ cháu tên Lê Thị C, cha cháu tên Phan Văn D; cha mẹ cháu ly hôn, nguyện vọng cháu sống với mẹ.

- *Tại phiên tòa*:

Chị C giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn anh D; chị yêu cầu được trực tiếp nuôi con Phan Thị Mỹ D1, sinh ngày 16/11/2000 và Phan Thanh D2, không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con; về quan hệ tài sản: tự thỏa thuận, không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra, chị không còn yêu cầu nào khác.

Cháu Phan Thị Mỹ D có nguyện vọng sống với mẹ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã tống đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa, giấy triệu tập cho bị đơn anh Phan Văn D đến tham gia phiên tòa nhưng anh D vẫn vắng mặt. Do đó, căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh D.

[2] Về quan hệ hôn nhân giữa chị Lê Thị C và anh Phan Văn D có đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên hôn nhân giữa chị C và anh D là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị C là có cơ sở. Bởi lẽ mâu thuẫn vợ chồng giữa chị C và anh D là trầm trọng, không thể hàn gắn được, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị C xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh D, chị yêu cầu được ly hôn anh D. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Lê Thị C được ly hôn anh Phan Văn D là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Phan Thị Mỹ D1, sinh ngày 16/11/2000 và Phan Thanh D2, sinh ngày 19/9/2009.

[3.1] Chị C yêu cầu được trực tiếp nuôi hai con. Xét yêu cầu của chị C phù hợp với nguyện vọng của cháu Mỹ D1 và Thanh D2 sống với mẹ; do đó Hội đồng xét xử chấp nhận giao cháu D1 và cháu D2 cho chị C được trực tiếp nuôi dưỡng theo quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 là phù hợp.

[3.2] Theo quy định của pháp luật thì người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con, tuy nhiên chị C không yêu cầu anh D cấp dưỡng cho con; do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về chia tài sản: chị Lê Thị C và anh Phan Văn D tự thỏa thuận, không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: chị Lê Thị C phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 9, 51, 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147, 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Lê Thị C và anh Phan Văn D.

2. Về nuôi con chung:

2.1 Giao con chung Phan Thị Mỹ D1, sinh ngày 16/11/2000 và Phan Thanh D2, sinh ngày 19/9/2009 cho chị Lê Thị C trực tiếp nuôi dưỡng.

2.2 Về cấp dưỡng nuôi con: chị Lê Thị C không yêu cầu Phan Văn D cấp dưỡng nuôi con là Phan Thị Mỹ D1 và Phan Thanh D2 nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Anh Phan Văn D có nghĩa vụ tôn trọng quyền của cháu Phan Thị Mỹ D1 và Phan Thanh D2 được sống chung với chị Lê Thị C.

Anh Phan Văn D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình; đồng thời người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về chia tài sản: chị Lê Thị C và anh Phan Văn D tự thỏa thuận, không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: chị Lê Thị C phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)*. Khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* do chị C nộp theo biên lai thu số 0012030 ngày 02/02/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Tân. Vậy chị C đã nộp đủ.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Phan Kim Ngân

Nơi nhận:
- TAND T. Vĩnh Long;
- VKSND H. Bình Tân;
- Chi cục THADS H. Bình Tân;
- UBND TT. Cù Lao Dung, H. Cù Lao Dung, T. Sóc Trăng;
- Các đương sự;
- Lưu.